

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 279/STNMT-MT

Điện Biên, ngày 04 tháng 4 năm 2019

V/v tham mưu xây dựng báo cáo phục vụ hoạt động giám sát “Việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường đối với ngành công nghiệp năng lượng, vật liệu xây dựng và chế biến thực phẩm”.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

Thực hiện Văn bản số 774/UBND-KTN ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc tham mưu nội dung báo cáo phục vụ Đoàn giám sát “Việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường đối với ngành công nghiệp năng lượng, vật liệu xây dựng và chế biến thực phẩm”.

Căn cứ đề cương hướng dẫn kèm theo Công văn số 1239/UBKHCMNT14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổng hợp báo cáo, số liệu của các Sở: Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự thảo báo cáo của UBND tỉnh về việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường đối với ngành công nghiệp năng lượng, vật liệu xây dựng và chế biến thực phẩm (dự thảo báo cáo kèm theo).

Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét, ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Chi cục BVMT;
- Lưu VT

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đăng Nam

Số: /BC-UBND

Điện Biên, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Về việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường
đối với ngành công nghiệp năng lượng, vật liệu xây dựng và
chế biến thực phẩm trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

Thực hiện Công văn số 1239/UBKHCNMT14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc xây dựng báo cáo phục vụ Đoàn giám sát “Việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT đối với ngành công nghiệp năng lượng, vật liệu xây dựng và chế biến thực phẩm”. UBND tỉnh Điện Biên tổng hợp, báo cáo việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT đối với ngành công nghiệp năng lượng, vật liệu xây dựng và chế biến thực phẩm trên địa bàn tỉnh như sau:

I. Tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường (BVMT) liên quan đến ngành công nghiệp năng lượng (CNNL), vật liệu xây dựng (VLXD) và chế biến thực phẩm (CBTP) giai đoạn 2015-2018.

1. Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật về BVMT liên quan đến ngành CNNL, VLXD và CBTP.

Trong giai đoạn 2015-2018, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành 06 chương trình, kế hoạch, chính sách về công tác BVMT liên quan đến ngành CNNL, VLXD và CBTP (*chi tiết tại bảng 1 kèm theo*). Các văn bản ban hành đã kịp thời triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, Nghị quyết, chương trình... của Quốc hội, Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương.

Việc ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường liên quan đến nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại và tiếng ồn của ngành CNNL, VLXD và CBTP: Do Quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia đã tương đối đầy đủ; mặt khác, ảnh hưởng đến môi trường của ngành CNNL, VLXD và CBTP trên địa bàn tỉnh không lớn. Đó đó, tỉnh Điện Biên không xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường của địa phương.

2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong ban hành văn bản quy phạm pháp luật về BVMT liên quan đến ngành CNNL, VLXD và CBTP.

Hiện nay có khoảng 300 văn bản pháp luật về BVMT. Tuy nhiên, hệ thống các văn bản này vẫn còn chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ, thiếu chi tiết. Các quy định còn nằm phân tán ở nhiều lĩnh vực, thiếu tính gắn kết, nhiều nội dung còn bị bỏ ngỏ như các quy định về quản lý, xử lý chất thải ở khu vực nông thôn; vấn đề thu phí và lệ phí trong quản lý chất thải nông nghiệp, làng nghề... Bên cạnh đó, trách nhiệm quản lý nhà nước về BVMT hiện nay được phân công cho nhiều bộ, ngành dẫn đến

khi triển khai trong thực tế gặp nhiều khó khăn do sự phối hợp thiếu đồng bộ, sự chông chéo về chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm không rõ ràng.

II. Tình hình thực hiện quy định pháp luật về BVMT đối với ngành CNNL, VLXD và CBTP giai đoạn 2015-2018.

1. Kết quả thực hiện quy định pháp luật về BVMT đối với ngành CNNL, VLXD và CBTP.

1.1. Tổng quan về các cơ sở sản xuất thuộc ngành CNNL, VLXD, CBTP và tình hình hoạt động BVMT của các cơ sở này.

Ngành công nghiệp năng lượng: Hiện nay trên địa bàn tỉnh Điện Biên có 47 dự án thủy điện vừa và nhỏ với tổng công suất lắp máy dự kiến là 506,2 MW, trong đó: 10 nhà máy thủy điện đang vận hành khai thác với tổng công suất lắp máy là 134,1MW; 15 dự án đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư với tổng công suất lắp máy là 235,5 MW, trong đó có 04 dự án đang thi công xây dựng; 14 dự án được UBND cho chủ trương nghiên cứu khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng công trình để cấp chủ trương đầu tư, tổng công suất lắp máy dự kiến là 80,9 MW; 02 dự án trong quy hoạch đang tiếp tục kêu gọi các nhà đầu tư, tổng công suất dự kiến 6,5MW; 06 dự án ngoài quy hoạch đã được UBND tỉnh cho chủ trương nghiên cứu khảo sát lập sự án bổ sung quy hoạch, tổng công suất lắp máy dự kiến là 49,2MW.

Ngành vật liệu xây dựng: Trên địa bàn tỉnh có 01 doanh nghiệp sản xuất xi măng; 19 doanh nghiệp hoạt động sản xuất gạch tuynel và gạch không nung; 18 dự án khai thác đá; 04 dự án khai thác cát làm VLXD thông thường; 06 doanh nghiệp sản xuất bê tông thương phẩm, cột điện, ống cống, cột điện bê tông ly tâm, gạch terazo.

Ngành Chế biến thực phẩm: Trên địa bàn tỉnh hiện có khoảng gần 1.900 cơ sở hoạt động trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm hầu hết là quy mô nhỏ của hộ gia đình với các sản phẩm như bún, bánh, xay sát thóc gạo, sản xuất rượu thủ công, có 10 doanh nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống với các sản phẩm như chế biến chè, cà phê, chế biến gạo...không có doanh nghiệp sản xuất quy mô công nghiệp.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh đã có 02 cụm công nghiệp được quy hoạch chi tiết là cụm công nghiệp Na Hai, huyện Điện Biên và cụm công nghiệp phía Đông huyện Tuần Giáo, cụ thể: Cụm công nghiệp Na Hai huyện Điện Biên được phê duyệt quy hoạch theo Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của UBND tỉnh, diện tích 49,8ha, chức năng là cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và hàng hóa gia dụng, hiện có 3 doanh nghiệp đang hoạt động, tỷ lệ lấp đầy là 56%; Cụm công nghiệp phía Đông huyện Tuần Giáo: Được phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 21/9/2011 của UBND tỉnh với diện tích là 50,3ha, chức năng là cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến lâm sản, chế biến lương thực thực phẩm và cơ khí sửa chữa, hiện có 01 doanh nghiệp đang hoạt động, tỷ lệ lấp đầy là 12%.

1.2. Việc thực hiện quy định pháp luật về quản lý nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại và tiếng ồn của các cơ sở sản xuất thuộc ngành CNNL, VLXD và CBTP.

a) Việc thực hiện các thủ tục về môi trường

Việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất thuộc ngành CNNL, VLXD và CBTP trên địa bàn tỉnh đã từng bước triển khai nghiêm túc, hiệu quả. Hệ thống quản lý môi trường của các đơn vị, doanh nghiệp trong ngành CNNL, VLXD và CBTP dần được hoàn thiện; các dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường đã tiến hành lập theo đúng các quy định của pháp luật.

Công tác thẩm định báo cáo ĐTM được thắt chặt ngay từ khâu tiếp nhận hồ sơ, rà soát các đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM, đơn vị quan trắc môi trường đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Đối với báo cáo ĐTM nội dung không đạt yêu cầu UBND tỉnh đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường (*cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định ĐTM*) trả lại để hoàn thiện hồ sơ. Việc thành lập Hội đồng thẩm định được thực hiện nghiêm túc, lựa chọn các chuyên gia, ngành, lĩnh vực phù hợp với từng loại hình dự án. Hội đồng thẩm định do 01 đồng chí Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường làm Chủ tịch Hội đồng, lãnh đạo các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố là thành viên hội đồng. Để báo cáo ĐTM trình UBND tỉnh phê duyệt có tính khả thi, Hội đồng thẩm định đã chủ động tăng cường các hoạt động kiểm tra hiện trạng môi trường trước phiên họp chính thức của Hội đồng.

Trong giai đoạn 2015-2018, tỉnh Điện Biên đã thẩm định, phê duyệt 39 báo cáo ĐTM, xác nhận 60 kế hoạch bảo vệ môi trường và xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường cho 05 dự án thuộc ngành CNNL, VLXD và CBTP.

b) Việc đầu tư các công trình BVMT, kiểm soát ô nhiễm môi trường

Hiện tại, tỉnh Điện Biên chưa có kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho cụm công nghiệp; tuy nhiên, các dự án triển khai trong cụm công nghiệp nói chung và các dự án nằm ngoài cụm công nghiệp đều có báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường theo quy định; có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường.

Qua kiểm tra rà soát các cơ sở doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có 01 cơ sở thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động (Công ty Cổ phần Xi măng Điện Biên). Tuy nhiên, do chưa có các văn bản hướng dẫn việc lắp đặt thiết bị quan trắc tự động gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước cũng như việc triển khai của doanh nghiệp.

c) Việc thực hiện các biện pháp BVMT, vận hành các công trình BVMT, vận hành các công trình kiểm soát ô nhiễm môi trường

Trong quá trình hoạt động, các cơ sở, doanh nghiệp đã thực hiện nghiêm túc các biện pháp BVMT, thường xuyên vận hành các công trình kiểm soát ô

niêm môi trường (xử lý bụi, khí thải, thu gom chất thải rắn, chất thải nguy hại...), kết quả đã cơ bản đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Định kỳ hàng năm, UBND tỉnh đều triển khai thực hiện quan trắc hiện trạng môi trường trên địa bàn toàn tỉnh với tần suất thực hiện 02 lần/năm. Các vị trí quan trắc được lựa chọn theo đúng Quyết định phê duyệt mạng lưới điểm quan trắc môi trường tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020. Kết quả quan trắc phản ánh chính xác chất lượng môi trường đất, nước, không khí trên địa bàn tỉnh.

d) Kết quả quan trắc các yếu tố môi trường

(Chi tiết tại bảng 3b, 3c, 3d, 3đ kèm theo).

1.3. Việc thực hiện quy định pháp luật về kinh doanh dịch vụ xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại của các cơ sở sản xuất thuộc ngành CNNL, VLXD và CBTP.

Trên địa bàn tỉnh Điện Biên không có các đơn vị, doanh nghiệp đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại của các cơ sở sản xuất thuộc ngành CNNL, VLXD và CBTP. Hiện tại, có 01 doanh nghiệp (Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Xây dựng tỉnh Điện Biên) đang đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt là Nhà máy xử lý rác thải Điện Biên tại bãi Púng Mìn, xã Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

2. Kết quả huy động, phân bổ nguồn lực tài chính cho hoạt động BVMT ngành CNNL, VLXD và CBTP.

Kinh phí đầu tư cho các hoạt động, giải pháp bảo vệ môi trường của các cơ sở, doanh nghiệp trong ngành CNNL, VLXD và CBTP còn thấp, chủ yếu là kinh phí của cơ sở, doanh nghiệp tự đầu tư. Do đó, đối với các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, đặc biệt là các cơ sở trong ngành CBTP, kinh phí đầu tư chưa đáp ứng được các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Đối với các cơ sở, doanh nghiệp (nhà máy thủy điện, xi măng, các dự án khi thác đá...) có nguồn vốn lớn thì các công trình bảo vệ môi trường được đầu tư thực hiện theo đúng các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Nguồn kinh phí chủ yếu cho hoạt động BVMT chung trên địa bàn toàn tỉnh là nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường. Tuy nhiên, tỉnh Điện Biên với đặc thù là tỉnh miền núi, kinh tế kém phát triển, trên 90% nguồn ngân sách hàng năm do Trung ương hỗ trợ, vì vậy ngân sách đầu tư cho sự nghiệp môi trường của địa phương chưa đảm bảo theo Quyết định 34/2005/QĐ-TTg ngày 22/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Mức chi hàng năm luôn nhỏ hơn 0,5% tổng chi ngân sách của tỉnh, nhưng nguồn vốn cũng đã tăng dần qua các năm. Tổng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường được phân bổ trong giai đoạn 2015-2018 là 209.714 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Năm 2015: 41.631 triệu đồng

- Năm 2016: 40.960 triệu đồng
- Năm 2017: 59.520 triệu đồng
- Năm 2018: 67.603 triệu đồng

(Chi tiết tại bảng 4 kèm theo)

3. Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BVMT đối với ngành CNNL, VLXD và CBTP.

Đối tượng tuyên truyền: Cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện; các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và toàn thể người dân trên địa bàn tỉnh.

Hình thức và phương pháp tuyên truyền: Bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: Hội nghị, lớp tập huấn; mít tinh, diễu hành cổ động; các chuyên mục, ấn phẩm, bản tin trên Đài PTTH, báo chí...

Số lượng tuyên truyền: Trong giai đoạn 2015-2018, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức đoàn thể tỉnh đã tổ chức 28 cuộc mít tinh hưởng ứng các ngày lễ lớn về môi trường (Ngày Môi trường thế giới, Tuần lễ Quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn...) tại 9/10 huyện, thị xã, thành phố với hơn 70.000 lượt người tham gia; xây dựng, phát sóng 96 chuyên mục Tài nguyên môi trường phát sóng trên sóng phát thanh và sóng truyền hình tỉnh; xuất bản 16 Bản tin tài nguyên môi trường; phát hành hơn 20.000 tờ rơi tuyên truyền về bảo vệ môi trường; tổ chức 03 Hội nghị cấp tỉnh, 10 lớp tập huấn cấp huyện triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đối với cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Kinh phí dành cho công tác tuyên truyền được lấy từ kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm đã được UBND tỉnh phân bổ cho các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

4. Kết quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về BVMT đối với các cơ sở sản xuất thuộc ngành CNNL, VLXD và CBTP.

Công tác thanh kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về BVMT đối với các cơ sở đã được tăng cường. Tuy nhiên, việc kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất thuộc ngành CNNL, VLXD và CBTP thường được lồng ghép trong các cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về BVMT của các đơn vị.

Tổng số đợt thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường trong giai đoạn 2015-2018 là 04 đợt.

Các lỗi vi phạm chủ yếu: Không thực hiện đúng một trong các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; không có giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án theo đúng quy định; bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định; không lập báo cáo chất thải nguy hại định kỳ theo quy định; gây sự cố môi trường...

Tổng số tiền xử phạt: 790 triệu đồng, trong đó:

- Ngành CNNL: 150 triệu đồng
- Ngành VLXD: 230 triệu đồng.
- Ngành CBTP: 410 triệu đồng.

(Chi tiết tại bảng 5 kèm theo)

Đánh giá chung tình hình thực hiện các yêu cầu và khắc phục lỗi vi phạm theo kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ sở: Các cơ sở cơ bản chấp hành nghiêm chỉnh, tích cực khắc phục lỗi vi phạm theo các kết luận của đoàn kiểm tra.

5. Việc chấp hành quy định báo cáo thống kê về công tác BVMT đối với ngành CNNL, VLXD và CBTP.

Hàng năm, UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường theo đúng quy định tại Thông tư số 20/2018/TT-BTNMT ngày 08/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường và Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24/8/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

Đối với các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong ngành CNNL, VLXD và CBTP: Các chủ cơ sở thực hiện nghiêm chỉnh báo cáo định kỳ công tác bảo vệ môi trường theo đúng nội dung đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt.

6. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong tổ chức thực hiện quy định pháp luật về BVMT đối với ngành CNNL, VLXD và CBTP.

Kinh phí đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường còn thấp, chủ yếu là ngân sách địa phương nên chưa đáp ứng được yêu cầu BVMT nói chung và BVMT đối với ngành CNNL, VLXD và CBTP nói riêng... Sự tham gia, phối hợp của các ngành, chính quyền địa phương trong việc chủ động huy động nguồn vốn viện trợ, tài trợ quốc tế đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường và xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường còn nhiều hạn chế nên việc đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường chưa đáp ứng được yêu cầu.

Mặc dù đã tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cơ sở sản xuất, kinh doanh, các tầng lớp nhân dân cộng đồng dân cư, nhưng mức độ nhận thức về bảo vệ môi trường vẫn chưa thật sự tạo ra chuyển biến mới trong hành động về thực hiện tốt trong công tác bảo vệ môi trường của cộng đồng và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

Cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng theo quy định, hầu hết các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa xây dựng được hệ thống xử lý nước thải tập trung do chưa có kinh phí đầu tư.

Trang thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ cho đo đạc, phân tích các thành phần môi trường, chất thải phục vụ cho quan trắc, kiểm soát ô nhiễm còn thiếu. Đồng thời, chưa có kinh phí để bố trí hệ thống các trạm quan trắc môi trường tự

động. Do đó, việc quan trắc, cảnh báo môi trường, kiểm soát ô nhiễm còn những khó khăn, hạn chế nhất định.

Công tác quản lý môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản chưa triệt để, một số tổ chức chưa thực hiện hoàn nguyên cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác.

Số lượng các cơ sở, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực ngành CNNL, VLXD và CBTP, đặc biệt ngành CBTP mang tính tự phát, nhỏ lẻ, kinh phí hạn hẹp. Năng lực, kinh nghiệm quản lý các làng nghề, chủ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế. Chưa hình thành được mối liên kết giữa các cơ sở sản xuất ngành nghề nông thôn với các nhà khoa học, nhà nước, nhà doanh nghiệp.

III. Đánh giá chung kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT đối với ngành CNNL, VLXD và CBTP giai đoạn 2015-2018.

1. Khái quát những kết quả đạt được.

Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật về BVMT liên quan đến ngành CNNL, VLXD và CBTP: Các văn bản ban hành đã kịp thời triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, Nghị quyết, chương trình... của Quốc hội, Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương

Trách nhiệm quản lý của nhà nước trong thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT đối với ngành CNNL, VLXD và CBTP: Trong những năm qua, tuy còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, kỹ thuật và tổ chức bộ máy nhưng công tác bảo vệ môi trường tỉnh đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Hoạt động quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường vẫn được triển khai thực hiện trên các mặt công tác, ngày càng khẳng định vai trò, mang lại nhiều hiệu quả thiết thực. Công tác bảo vệ môi trường được các cấp, các ngành quan tâm nhiều hơn. Hệ thống chính sách, pháp luật về môi trường tiếp tục được hoàn thiện góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về môi trường. Công tác bảo vệ môi trường được đẩy mạnh, phát hiện và xử lý kịp thời nhiều vụ việc, cơ sở có dấu hiệu ô nhiễm; các điểm nóng về môi trường đã cơ bản được xử lý; công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được quan tâm và nâng cao chất lượng. Các phong trào quần chúng nhân dân bảo vệ môi trường được phát động thường xuyên và duy trì. Môi trường của tỉnh được cải thiện về nhiều mặt như trồng cây xanh, vệ sinh môi trường đô thị, vệ sinh môi trường nông thôn, vệ sinh môi trường tại các cơ sở y tế, rừng và đa dạng sinh học từng bước được phục hồi.

Việc chấp hành và tuân thủ pháp luật về BVMT của các cơ sở sản xuất thuộc ngành CNNL, VLXD và CBTP: Nhận thức của các đơn vị ngành CNNL, VLXD và CBTP về tiết kiệm năng lượng, tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường đã từng bước được nâng cao; đa số các đơn vị sản xuất thuộc ngành CNNL, VLXD và CBTP chấp hành nghiêm túc các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường.

2. Khái quát các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Kinh phí đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường còn thấp, chủ yếu là ngân sách địa phương nên chưa đáp ứng được yêu cầu BVMT nói chung và BVMT đối với ngành CNNL, VLXD và CBTP nói riêng... Sự tham gia, phối hợp của các ngành, chính quyền địa phương trong việc chủ động huy động nguồn vốn viện trợ, tài trợ quốc tế đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường và xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường còn nhiều hạn chế nên việc đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường chưa đáp ứng được yêu cầu.

Mặc dù đã tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cơ sở sản xuất, kinh doanh, các tầng lớp nhân dân cộng đồng dân cư, nhưng mức độ nhận thức về bảo vệ môi trường vẫn chưa thật sự tạo ra chuyển biến mới trong hành động về thực hiện tốt trong công tác bảo vệ môi trường của cộng đồng và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

Cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng theo quy định, hầu hết các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa xây dựng được hệ thống xử lý nước thải tập trung do chưa có kinh phí đầu tư.

Trang thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ cho đo đạc, phân tích các thành phần môi trường, chất thải phục vụ cho quan trắc, kiểm soát ô nhiễm còn thiếu. Đồng thời, chưa có kinh phí để bố trí hệ thống các trạm quan trắc môi trường tự động. Do đó, việc quan trắc, cảnh báo môi trường, kiểm soát ô nhiễm còn những khó khăn, hạn chế nhất định.

Số lượng các cơ sở, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực ngành CNNL, VLXD và CBTP, đặc biệt ngành CBTP mang tính tự phát, nhỏ lẻ, kinh phí hạn hẹp. Năng lực, kinh nghiệm quản lý các làng nghề, chủ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế. Chưa hình thành được mối liên kết giữa các cơ sở sản xuất ngành nghề nông thôn với các nhà khoa học, nhà nước, nhà doanh nghiệp.

IV. Giải pháp và đề xuất, kiến nghị nâng cao hiệu quả việc ban hành và thực hiện chính sách pháp luật về BVMT đối với ngành CNNL, VLXD và CBTP trong thời gian tới.

1. Giải pháp nâng cao hiệu quả việc ban hành và thực hiện chính sách pháp luật về BVMT đối với ngành CNNL, VLXD và CBTP.

Về tuyên truyền và cơ chế phối hợp: Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền để nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường của cộng đồng; đa dạng hóa các loại hình tuyên truyền, giáo dục công tác bảo vệ môi trường nhằm hình thành ý thức, thói quen bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư, trong các chương trình giảng dạy của nhà trường trên địa bàn; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các lực lượng vũ trang trên địa bàn trong công tác tuần tra, kiểm tra, phát hiện ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Về kiện toàn, tổ chức bộ máy: Tiếp tục kiện toàn và tăng cường năng lực tổ chức bộ máy, bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ môi trường từ cấp tỉnh đến xã, phường, thị trấn. Nâng cao năng lực cho Trung tâm Quan trắc Tài

nguyên và Môi trường, đảm bảo có đủ trang thiết bị phục vụ yêu cầu quan trắc và phân tích hiện trạng môi trường trên địa bàn toàn tỉnh.

Về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: Ưu tiên tuyển dụng những cán bộ được đào tạo chính quy, có năng lực, kinh nghiệm trong công tác quản lý bảo vệ môi trường; khuyến khích học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu của cán bộ và công tác bảo vệ môi trường.

Về tài chính: Tăng cường các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác trong việc lồng ghép, thu hút, kêu gọi các chương trình, dự án cho các hoạt động bảo vệ môi trường; nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực; bảo tồn, giám sát đa dạng sinh học, phòng chống chữa cháy rừng, xây dựng hạ tầng cơ sở... huy động vốn cho phát triển du lịch sinh thái và dịch vụ.

Về hoàn thiện chính sách, pháp luật: Tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các văn bản hiện hành về lĩnh vực môi trường để phù hợp với Luật bảo vệ môi trường 2014. Xây dựng các văn bản triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2014 theo thẩm quyền địa phương.

2. Đề xuất, kiến nghị.

a) Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Tăng phân bổ nguồn ngân sách Trung ương cho địa phương để triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia về BVMT, ứng phó với BĐKH; đầu tư cơ sở hạ tầng về BVMT tại các khu, cụm công nghiệp; các cơ sở thuộc đối tượng công ích (bệnh viện, bãi rác).

Chỉ đạo các Bộ, ngành sớm ban hành chính sách thu phí BVMT đối với khí thải công nghiệp nhằm điều chỉnh hành vi của các đơn vị sản xuất công nghiệp, hướng tới giảm thiểu việc xả khí thải gây ô nhiễm môi trường, đồng thời tạo nguồn thu cho bảo vệ môi trường.

Xem xét ban hành các văn bản pháp quy, các chính sách quản lý, kiểm tra và giám định, quy định bắt buộc đối với các doanh nghiệp, HTX, Hộ kinh doanh, các làng nghề, cụm cơ sở ngành nghề nông thôn hoạt động ngành nghề nông thôn (chế biến thực phẩm) đã thành lập và thành lập mới phải đăng ký kê khai với cơ quan có thẩm quyền về Quy trình công nghệ, kỹ thuật sản xuất chế biến nông lâm và thủy sản; an toàn lao động, an toàn vệ sinh môi trường (bao gồm: nước thải, khí thải, chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại...).

b) Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Ban hành văn bản quy định thời gian chủ dự án phải chỉnh sửa, bổ sung (hoàn chỉnh hồ sơ) Báo cáo đánh giá tác động môi trường sau thời điểm nhận được kết quả thẩm định để tránh tình trạng chủ đầu tư kéo dài thời gian chỉnh sửa quá lâu dẫn đến hiện trạng môi trường, các dự báo và tác động của dự án đến môi trường tại khu vực thực hiện dự án thay đổi so với thời gian thẩm định.


Đối với công tác quản lý chất thải nguy hại: Đề nghị Bộ xem xét việc đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn nguy hại theo vùng, đặc biệt là vùng Tây Bắc.

c) Đối với các cơ sở sản xuất ngành CNNL, VLXD và CBTP.

Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về BVMT trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; đặc biệt phải thực hiện thu gom, xử lý nước thải, khí thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải rắn theo quy định của pháp luật; đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

Trên đây là báo cáo về việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT đối với ngành công nghiệp năng lượng, vật liệu xây dựng và chế biến thực phẩm trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2015-2018. UBND tỉnh Điện Biên kính gửi Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Ủy ban KH&CN&MT;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở: TN&MT, Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp & PTNT;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT, KTN. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bảng 1: Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến ngành CNNL, VLXD và CBTP giai đoạn 2015-2018

STT	Tên Văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
1	Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 06/6/2014 của Ban thường vụ tỉnh ủy Điện Biên về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.	06/6/2014		
2	Quyết định số 1079/QĐ - UBND ngày 24/8/2016 của Ủy ban nhân tỉnh về việc ban hành kế hoạch hành động áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016 – 2020.	24/8/2016		
3	Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020.	29/3/2016		
4	Kế hoạch số 620/KH-UBND ngày 09/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ về một số nhiệm vụ và giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Điện Biên	09/3/2017		
5	Kế hoạch số 1368/KH-UBND ngày 18/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24/6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	18/5/2017		
6	Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 14/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên	14/10/2018		
7	Kế hoạch số 3816/KH-UBND ngày 27/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện phong trào chống chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Điện Biên	27/12/2018		

**Bảng 3b. Việc thực hiện quy định pháp luật về báo cáo đánh giá tác động môi trường
và kế hoạch bảo vệ môi trường**

Ngành	Đánh giá tác động môi trường						Kế hoạch BVMT			Ghi chú
	Số DA phải thực hiện	Số đã lập	Số lập lại	Số được phê duyệt	Số phải XNHT công trình BVMT	Số đã XNHT các công trình BVMT	Số dự án phải lập	Số đã được xác nhận	Số lập và đăng ký lại	
Công nghiệp năng lượng	47	14	03	17	0	0	0	0	0	
Vật liệu xây dựng	23	23	01	24	05	05	25	25	0	
Chế biến thực phẩm	03	02	0	02	0	0	35	35	0	

Bảng 3c. Việc thực hiện quy định pháp luật về quản lý nước thải

Ngành	Cơ sở có nước thải				Cơ sở cần lắp đặt trạm quan trắc tự động nước thải			Ghi chú
	Tổng số cơ sở	Số cơ sở có hệ thống thu gom	Số cơ sở có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Số cơ sở chưa có hệ thống thu gom, xử lý	Tổng số cơ sở	Số cơ sở đã lắp đặt	Số cơ sở chưa lắp đặt	
Công nghiệp năng lượng	0	0	0	0	0	0	0	
Vật liệu xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	
Chế biến thực phẩm	37	20	01	17	0	0	0	

Bảng 4. Tổng hợp chi phí cho hoạt động BVMT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn chi	2015	2016	2017	2018	Ghi chú
1	Ngân sách trung ương	41.631	40.960	59.520	67.603	Kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường
2	Ngân sách địa phương					
3	Quỹ BVMT					
4	Vốn vay ODA					
5	Nguồn vốn xã hội khác					

Bảng 5: Kết quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về BVMT đối với ngành CNNL, VLXD và CBTP giai đoạn 2015-2018

Ngành	Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở bị xử lý hành chính	Hình thức xử lý hành chính đã áp dụng					Ghi chú
			Số cơ sở bị nhắc nhở, cảnh cáo	Phạt tiền		Số cơ sở phải di dời	Số cơ sở bị đình chỉ hoạt động	
				Số cơ sở	Số tiền phạt (triệu đồng)			
Công nghiệp năng lượng	10	04	02	02	150	0	0	
Vật liệu xây dựng	48	10	07	03	230	0	0	
Chế biến thực phẩm	37	10	6	4	410	0	0	